TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ CẦN THƠ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập-Tự do-Hạnh phúc**

Bản án số: 84/2021/DS-PT
Ngày: 10/5/2021
V/v Tranh chấp HĐ tín dụng.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ

-Thành phần hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có :

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa : Ông Trần Trí Dũng

Các Thẩm phán : Bà Hà Thị Phương Thanh

Bà Nguyễn Thị Thùy Trang

-***Thư ký phiên tòa*:** Ông Phan Văn Khải - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ Bà Đỗ Thị Hồng Nhi - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 10 tháng 5 năm 2021 tại trụ sở, Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 233/2021/TLPT-DS ngày 18 tháng 02 năm 2021 về tranh chấp: Hợp đồng tín dụng.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 231/2020 /DS-ST ngày 08 tháng 12 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Thới Lai, thành phố Cần Thơ bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 62/2021/QĐ-PT ngày 18 tháng 02 năm 2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP K

Địa chỉ: P, phường V, thành phố R, tỉnh Kiên giang.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn V

Địa chỉ: khu vực B, phường C, quận O, thành phố Cần Thơ.

(Được ủy quyền theo văn bản ủy quyền ngày 06 tháng 5 năm 2019)

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Ngọc H

Bà Lê Thị T

Cùng địa chỉ: ấp T, xã T, huyện T, thành phố Cần Thơ.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Ông Lê Thanh H

Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện T, thành phố Cần Thơ.

4. Người kháng cáo: Bà Lê Thị T

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo án sơ thẩm và các tài liệu có trong hồ sơ thì nội dung vụ án như sau:

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngày 27/7/2012 ông H bà T có vay của Ngân hàng TMCP K (gọi tắt Ngân hàng) số tiền 70.000.000 đồng theo hợp đồng tín dụng số HD3032/HĐTD, mục đích vay sản xuất nông nghiệp, thời hạn vay 24 tháng. Lãi suất 1,7%/tháng, lãi quá hạn 150% lãi suất cho vay tại thời điểm. Để bảo đảm nợ vay, ông H bà T thế chấp quyền sử dụng đất tại thửa 360, tờ bản đồ số 7, loại đất trồng lúa, diện tích 2.693m^2, tọa lạc tại ấp T, xã T, huyện T, thành phố Cần Thơ theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 1718801 (số vào sổ 003543) do UBND huyện O (cũ) cấp ngày 29/11/1996 do bà Lê Thị T đứng tên. Nay Ngân hàng yêu cầu ông H bà T trả số tiền tạm tính đến ngày 08/12/2020 là 125.804.770 đồng, trong đó nợ gốc 52.000.000 đồng, lãi quá hạn 73.804.770 đồng. Nếu ông H bà T không khả năng thanh toán thì Ngân hàng yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ.

Bị đơn bà Lê Thị T trình bày:

Vào năm 2012 bà và chồng bà có vay 70.000.000 đồng của Ngân hàng K Sau đó bà trả được 60.000.000 đồng vào ngày 13/10/2015, khi đó bà nói với Ngân hàng là bà trả nợ gốc vì bà không có khả năng trả lãi nữa, nên bà chỉ còn nợ 10.000.000 đồng và lãi của 10.000.000 đồng từ đó đến nay. Đối với phần đất bà đã cố cho ông H vào năm 2015, H đưa vàng cho bà trả nợ Ngân hàng, hiện nay ông H đang sử dụng đất.

Ông Lê Thanh H trình bày:

Năm 2015 ông có nhận cố 02 công đất ruộng của bà T với giá 20 chỉ vàng 24K. Hiện nay ông vẫn canh tác đất. Việc bà T thế chấp đất cho Ngân hàng ông không biết, nay ông không có yêu cầu gì trong vụ án. Nếu sau này hai bên phát sinh tranh chấp thì ông sẽ kiện thành vụ kiện khác, ông yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt ông.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 231/2020/DS-ST ngày 08/12/2020 của Tòa án nhân dân huyện Thới Lai tuyên xử như sau:

1.Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP K.

2. Buộc ông Nguyễn Ngọc H và bà Lê Thị T phải trả cho Ngân hàng TMCP K số tiền vay 125.804.770 đồng, trong đó nợ gốc 52.000.000 đồng, nợ lãi 73.804.770 đồng.

Kể từ ngày xét xử sơ thẩm khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

3. Trường hợp bị đơn ông Nguyễn Ngọc H và Lê Thị T không trả được số nợ trên thì nguyên đơn được quyền yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất tại thửa 360, tờ bản đồ số 7, loại đất trồng lúa, diện tích 2.693m^2, tọa lạc tại ấp T, xã T, huyện T, thành phố Cần Thơ, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 1718801 (số vào sổ 003543) do UBND huyện O (cũ) cấp ngày 29/11/1996 do bà Lê Thị T đứng tên để thu hồi nợ.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về án phí dân sự sơ thẩm và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 15/12/2020, Bà Lê Thị T kháng cáo chỉ đồng ý trả 10.000.000 đồng. Tại phiên tòa phúc thẩm, người kháng cáo vẫn giữ yêu cầu kháng cáo

Các đương sự còn lại giữ nguyên yêu cầu như đã trình bày nêu trên .

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến như sau:

- Về thủ tục tố tụng: Đương sự và Tòa án các cấp thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự;

- Về nội dung giải quyết vụ án: Các bên có ký kết hợp đồng tín dụng, và thế chấp tài sản theo quy định. Bà T cho rằng đã thanh toán 60 triệu chỉ còn lại 10 triệu và xin giảm nợ lãi, tuy nhiên qua tài liệu có trong hồ sơ cho thấy không có cơ sở bà T đã trả 60 triệu là thanh toán nợ gốc. Do đó bị đơn phải tiếp tục thanh toán số nợ còn lại phát sinh theo hợp đồng tín dụng là phù hợp. Bị đơn kháng cáo nhưng không cung cấp được chứng cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Ngân hàng tương mại cổ phần Kiên Long (gọi tắt là Ngân hàng) khởi kiện ông Nguyễn Ngọc H và bà Lê Thị T phải thanh toán nợ vay gốc và lãi theo hợp đồng tín dụng đã ký kết. Căn cứ khoản 1 Điều 30 Bộ luật tố tụng dân sự quy định: " *Tranh chấp phát sinh trong hoạt động kinh doanh, thương mại giữa cá nhân, tổ chức có đăng ký kinh doanh với nhau và đều có mục đích lợi nhuận"* ông H, bà T không có đăng ký kinh doanh do đó cấp sơ thẩm xác định tranh chấp là vụ việc dân sự và thụ lý, xét xử theo quan hệ pháp luật tranh chấp hợp đồng tín dụng là có căn cứ đúng pháp luật.

Qua xem xét yêu cầu kháng cáo của bà Lê Thị T Hội đồng xét xử xét thấy không có cơ sở chấp nhận với các căn cứ sau:

[2] Căn cứ theo hợp đồng tín dụng số HD3032/HĐTD ngày 27/7/2012, ông H, bà T có vay của Ngân hàng 70.000.000 đồng, mục đích vay sản xuất nông nghiệp, thời hạn vay 24 tháng. Lãi suất 1,7%/tháng, lãi quá hạn 150% lãi suất cho vay tại thời điểm.

Ngày 31/7/2012 ông H, bà T đã ký nhận khế ước nhận nợ số tiền trên. Quá trình vay vốn ông H, bà T đã thanh toán được một phần vốn gốc và lãi cho Ngân

hàng và tính đến ngày 08/12/2020 ông H bà T còn nợ gốc 52.000.000 đồng và lãi 73.804.770 đồng.

Bà T cho rằng bà có trả cho Ngân hàng nợ gốc 60.000.000 đồng nên chỉ còn nợ lại 10.000.000 đồng là không có có cơ sở. Theo giấy nộp tiền ngày 13/10/2015 bà T có nộp 60.000.000 đồng vào Ngân hàng nhưng nội dung không thể hiện là bà thanh toán nợ gốc. Hơn nữa theo Điều 3 của hợp đồng tín dụng thì bị đơn phải trả gốc 2 kỳ mỗi kỳ 12 tháng, trả lãi 04 tháng 01 lần nhưng bị đơn không thực hiện đúng nghĩa vụ theo hợp đồng mà để đến ngày 13/10/2015 tức là 03 năm sau kể từ ngày vay thì mới trả 60.000.000 đồng. Do đó Ngân hàng tính số tiền trên trả một phần vốn gốc và tính lãi suất theo hợp đồng tín dụng đúng quy định là hoàn toàn phù hợp.

Đối với ông Lê Thanh H là người thuê đất của bà T ông không có yêu cầu giải quyết trong vụ án này nếu sau này cần thiết ông sẽ khởi kiện thành vụ kiện khác. Do đương sự không có yêu cầu cấp sơ thẩm không đặt ra để xem xét là có cơ sở.

Đối với nội dung tuyên án của cấp sơ thẩm còn những câu dài, thừa cần điều chỉnh lại cho phù hợp bảo đảm thi hành án được thuận lợi và cũng không làm thay đổi nội dung chính của án sơ thẩm.

Căn cứ đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ là có cơ sở.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tuyên xử: Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Lê Thị T.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP K.

Buộc ông Nguyễn Ngọc H và bà Lê Thị T phải trả cho Ngân hàng TMCP K số tiền nợ gốc 52.000.000 đồng, nợ lãi tính đến ngày 08/12/2020, là 73.804.770 đồng. Tổng cộng số tiền gốc lãi phải trả là 125.804.770 đồng (Một trăm hai mươi lăm triệu tám trăm lẽ bốn ngàn bảy trăm bảy mươi đồng)

Kể từ ngày 09/12/2020 bị đơn còn phải tiếp tục trả lãi theo mức lãi suất được quy định trong hợp đồng tín dụng số HD3032/HĐTD ngày 27/7/2012 mà các bên đã ký kết cho đến khi trả hết nợ.

Trường hợp bị đơn ông Nguyễn Ngọc H và Lê Thị T không trả được số nợ trên thì nguyên đơn được quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất tại thửa 360, tờ bản đồ số 7, loại đất trồng lúa, diện tích 2.693m^2, tọa lạc tại ấp T, xã T, huyện T, thành phố Cần Thơ, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 1718801 (số vào sổ 003543) do UBND huyện O (cũ) cấp ngày 29/11/1996 do bà Lê Thị T đứng tên để thu hồi nợ.

Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Ngọc H, bà Lê Thị T phải chịu 6.290.238 đồng.

Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP K 2.674.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai số 003371 ngày 10/7/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Thới Lai.

Án phí phúc thẩm: Bà T phải chịu 300.000 đồng nhưng được trừ tiên tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp 300.000 đồng theo biên lai số: 016082 ngày 16/12/2020 của Chi cục thi thi án dân sự huyện Thới Lai bà T đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi bổ sung một số Điều Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND.TPCT;
- TAND H.Thới Lai;
- Chi cục THADS. H.Thới Lai;
- Lưu (HS – 2b).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Trần Trí Dũng